

**BÁO CÁO**  
**Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Phà An Giang, mã số doanh nghiệp 1600110119 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01/4/2021 (thay đổi từ Công ty TNHH MTV Phà An Giang sang Công ty Cổ phần Phà An Giang),

Công ty Cổ phần Phà An Giang báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các nội dung như sau:

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch: theo các chỉ tiêu tại Bảng số 1.

- Thuận lợi: sự quan tâm hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, các Sở - ngành, sự đoàn kết thống nhất trong chỉ đạo điều hành của Đảng ủy và Ban Giám đốc cùng tinh thần trách nhiệm, tận tụy trong công việc của đa số lực lượng cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

- Khó khăn: ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19; tình hình mưa lũ diễn biến bất thường; chi phí vật tư, nguyên liệu tăng; sự cạnh tranh từ các bên đồ tư nhân đã làm ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của toàn Công ty.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU  
VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Chỉ tiêu                  | ĐVT     | Kế hoạch   | Giá trị thực hiện |
|----|---------------------------|---------|------------|-------------------|
| 1  | Sản phẩm chủ yếu sản xuất |         |            |                   |
| a  | Hành khách, xe các loại   | lượt    | 33.912.800 | 34.837.761        |
| b  | Hàng hóa                  | tấn     | 771.100    | 840.198           |
| c  | Xăng, dầu, nhớt           | lít     | 864.800    | 876.284           |
| 2  | Tổng doanh thu            | Tỷ đồng | 176,08     | 177,91            |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế      | Tỷ đồng | 1,35       | 3,40              |

| TT | Chỉ tiêu                          | ĐVT     | Kế hoạch   | Giá trị thực hiện |
|----|-----------------------------------|---------|------------|-------------------|
| 4  | Lợi nhuận sau thuế                | Tỷ đồng | 1,08       | 2,93              |
| 5  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 7,27       | 12,70             |
| 6  | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có) | Tỷ đồng | -          | -                 |
| 7  | Sản phẩm dịch vụ công ích         |         |            |                   |
| a  | Hành khách, xe các loại           | lượt    | 33.912.800 | 34.837.761        |
| b  | Hàng hóa                          | tấn     | 771.100    | 840.198           |
| 8  | Tổng số lao động                  | Người   | 530        | 480               |
| 9  | Tổng quỹ lương                    | Tỷ đồng | 50,79      | 58,14             |
| a  | Quỹ lương quản lý                 | Tỷ đồng | 1,99       | 2,39              |
| b  | Quỹ lương lao động                | Tỷ đồng | 48,80      | 55,75             |

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

- Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên:
  - Không có.
- Các khoản đầu tư tài chính.
  - Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh An Giang:
    - + Kỳ hạn 06 tháng: 15 tỷ đồng;
    - + Kỳ hạn 03 tháng: 15 tỷ đồng;
    - + Kỳ hạn 01 tháng: 05 tỷ đồng.

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

- Không có./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, KH.

**CHỦ TỊCH HĐQT**



*Phạm Châu Hà*